

TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê chuẩn tổng quyết toán thu ngân sách trên địa bàn
và quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2016**

Kính gửi : Hội đồng Nhân dân huyện khoá XIX, kỳ họp thứ 6.

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước, trên cơ sở tổng hợp số liệu quyết toán thu ngân sách nhà nước, quyết toán chi ngân sách các xã, thị trấn và các đơn vị dự toán cấp huyện; Ủy ban Nhân dân huyện trình Hội đồng Nhân dân huyện kỳ họp thứ 6 khoá XIX phê chuẩn tổng quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2017 như sau:

1. Về thu ngân sách năm 2016:

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG THU	THU NSNN	NS HUYỆN + XÃ ĐƯỢC HƯỞNG
A	Tổng thu trong cân đối NSDP	376.497.701.057	370.664.012.358
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	20.135.827.276	16.405.653.577
1	Thu từ DN nhà nước địa phương	301.230.733	88.910.900
2	Thu từ khu vực CTN và DV ngoài QD	8.946.306.438	6.269.406.472
3	Lệ phí trước bạ	2.372.767.458	2.372.767.458
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.817.453	12.817.453
5	Thuế thu nhập cá nhân	829.230.017	580.461.117
6	Thu phí và lệ phí	858.726.258	830.477.758
7	Thu tiền sử dụng đất	2.535.188.400	2.535.188.400
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	920.372.202	920.372.202
9	Thu khác ngân sách	3.355.184.500	2.791.248.000
II	Thu kết dư ngân sách	3.921.965.597	3.921.965.597
III	Thu chuyển nguồn	25.203.155.384	25.203.155.384
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	325.133.237.800	325.133.237.800
V	Thu từ cấp dưới nộp lên	2.103.515.000	
B	CÁC KHOẢN THU QL QUA NSNN	1.000.768.316	1.000.768.316
	TỔNG CỘNG	377.498.469.373	371.664.780.674

Bằng chữ:

- Tổng thu NSNN: Ba trăm bảy mươi bảy tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng.

- Tổng thu ngân sách huyện, xã được hưởng: Ba trăm bảy mươi một tỷ, sáu trăm sáu mươi tư triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi tư đồng.

2. Về chi ngân sách địa phương năm 2016:

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
A	CHI TRONG CÂN ĐỐI	366.307.464.054
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	64.540.849.350
1	Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	2.207.782.000
2	Nguồn phân cấp đầu tư theo QĐ 4188	21.225.290.450
3	Nguồn Chương trình xây dựng nông thôn mới	13.804.965.000
4	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác	27.302.811.900
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	293.811.217.757
1	Chi an ninh – Quốc phòng	11.097.994.980
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	135.053.497.125
3	Chi sự nghiệp y tế	1.908.975.900
4	Chi sự nghiệp dân số và KHH GD	1.675.538.000
5	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	246.000.000
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.032.116.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh – truyền hình	2.973.765.000
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.532.844.300
9	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	17.515.998.592
10	Chi sự nghiệp kinh tế	27.353.070.895
11	Chi sự nghiệp môi trường và đô thị	5.897.111.000
12	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	84.724.490.863
13	Chi khác ngân sách	799.815.102
III	Chi chuyển nguồn	5.851.881.947
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên	2.103.515.000
B	CHI NGOÀI CÂN ĐỐI	1.000.768.316
	TỔNG CỘNG (A + B)	367.308.232.370

Bảng chữ: Ba trăm sáu mươi bảy tỷ, ba trăm linh tám triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi đồng.